

ĐÁP ÁN ĐỀ THI HỌC KÌ 1 - NĂM HỌC 2020 - 2021
MÔN HÓA HỌC 10

I. TRẮC NGHIỆM: 4 ĐIỂM mỗi câu đúng 1/3đ

Mã đề 101	Mã đề 102	Mã đề 103	Mã đề 104
1. A	1. C	1. A	1. C
2. C	2. D	2. D	2. B
3. D	3. D	3. D	3. D
4. C	4. C	4. C	4. A
5. B	5. A	5. B	5. C
6. A	6. A	6. B	6. D
7. B	7. B	7. A	7. C
8. D	8. B	8. A	8. D
9. D	9. A	9. D	9. B
10. C	10. D	10. B	10. A
11. B	11. B	11. C	11. A
12. A	12. C	12. C	12. B

II. TỰ LUẬN: 6 ĐIỂM

CÂU	ĐÁP ÁN	ĐIỂM
1	<p>a. $\overset{-2}{2\text{H}_2\text{S}} + \overset{0}{3\text{O}_2} \rightarrow \overset{+4}{2\text{SO}_2} + \overset{-2}{2\text{H}_2\text{O}}$ c.khử c.Oxh</p> <p>$2x \left \begin{array}{l} \overset{-2}{\text{S}} \\ \overset{0}{\text{O}_2} \end{array} \right. \rightarrow \overset{+4}{\text{S}} + 6e$</p> <p>$3x \left \begin{array}{l} \overset{-2}{\text{O}_2} \\ \overset{0}{\text{O}_2} \end{array} \right. + 4e \rightarrow \overset{-2}{2\text{O}}$</p> <p>b. $\overset{0}{3\text{Cu}} + \overset{+5}{8\text{HNO}_3} \rightarrow \overset{+2}{3\text{Cu}(\text{NO}_3)_2} + \overset{+2}{2\text{NO}} + 4\text{H}_2\text{O}$ c.khử c.Oxh</p> <p>$0 \quad +2$</p> <p>$3x \left \begin{array}{l} \text{Cu} \\ \overset{+5}{\text{N}} \end{array} \right. \rightarrow \text{Cu} + 2e$</p> <p>$2x \left \begin{array}{l} \overset{+5}{\text{N}} \\ \overset{+2}{\text{N}} \end{array} \right. + 3e \rightarrow \text{N}$</p> <p>c. $\overset{+5}{\text{FeS}_2} + 8\overset{+5}{\text{HNO}_3} \rightarrow \overset{+3}{\text{Fe}(\text{NO}_3)_3} + \overset{+6}{2\text{H}_2\text{SO}_4} + \overset{+2}{5\text{NO}} + \overset{+2}{2\text{H}_2\text{O}}$ c.khử c.Oxh</p>	0,5đ
		0,5đ

ĐÁP ÁN KIỂM TRA CUỐI KÌ 1- ĐỊA LÍ 10
NĂM HỌC 2020- 2021

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

100	101	102	103
1. D	1. C	1. C	1. B
2. A	2. B	2. C	2. C
3. C	3. B	3. B	3. D
4. B	4. D	4. A	4. A
5. C	5. B	5. B	5. A
6. D	6. D	6. D	6. B
7. B	7. D	7. C	7. D
8. B	8. A	8. A	8. B
9. D	9. D	9. D	9. A
10. D	10. A	10. B	10. A
11. B	11. B	11. A	11. C
12. B	12. C	12. C	12. C
13. A	13. C	13. D	13. B
14. A	14. B	14. A	14. C
15. A	15. A	15. B	15. B
16. C	16. A	16. B	16. D

II. PHẦN TỰ LUẬN

Câu	Đáp án	Biểu điểm														
1.a	-Tính tỉ suất gia tăng tự nhiên: Lập bảng- có tên bảng: (Không lập bảng: - 0,5đ) Bảng tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên của nước ta giai đoạn 1960- 2006 (đơn vị %). <table border="1" style="margin-left: 40px;"> <thead> <tr> <th>Năm</th> <th>1960</th> <th>1970</th> <th>1989</th> <th>1994</th> <th>1999</th> <th>2006</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tg</td> <td>3,4</td> <td>2,62</td> <td>2,28</td> <td>1,86</td> <td>1,43</td> <td>1,36</td> </tr> </tbody> </table>	Năm	1960	1970	1989	1994	1999	2006	Tg	3,4	2,62	2,28	1,86	1,43	1,36	1đ
Năm	1960	1970	1989	1994	1999	2006										
Tg	3,4	2,62	2,28	1,86	1,43	1,36										
2.b	Vẽ biểu đồ hình cột thể hiện tỉ suất sinh của Việt Nam - Tương đối chính xác, đúng quy tắc, thẩm mỹ, có đầy đủ: số liệu – đơn vị- tên biểu đồ.	2đ														

	-Nếu thiếu – 0,25đ đến 0,5đ/ 1đv -Nếu sai – 0,5đ đến 1đ/ 1 đv	
2a	- Vùng xích đạo: Mưa nhiều nhất (1000 – 2000 mm/ năm). > Nguyên nhân: nhiệt độ cao, khí áp thấp, có nhiều biển, đại dương, diện tích rừng lớn, nước bốc hơi mạnh. - Hai vùng chí tuyến Bắc và Nam: Mưa tương đối ít (600 – 700 mm/ năm). > Nguyên nhân: Khí áp cao, diện tích lục địa tương đối lớn. - Hai vùng ôn đới: Mưa nhiều (700 – 1200 mm/ năm). > Nguyên nhân: Khí áp thấp, có gió tây ôn đới từ biển thổi vào. - Cực: Mưa ít nhất (< 200 mm/ năm). > Nguyên nhân: Khí áp cao, nhiệt độ quá thấp, khó bốc hơi nước.	0,25đ 0,25đ 0,25đ 0,25đ 0,25đ 0,25đ 0,25đ
2b	-Nguồn gốc thổi từ áp cao cận nhiệt đới về xích đạo -Hướng ĐB (BCB), ĐN(BCN) -Thời gian thổi quanh năm -Tính chất chung:khô	0,25đ / 1 ý